TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH B PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 15-8-2018
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH B PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu
Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 135/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2018/QĐXX - ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị B; sinh năm 1990
HKTT: Thôn 5, xã P, huyện B1, tỉnh B Phước.
Trú tại: Thôn 3, xã T, huyện B1, tỉnh B Phước.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công T; sinh năm 1972
Trú tại: Thôn 4, xã P, huyện B1, tỉnh B Phước.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ngày 28/01/2018 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Nguyễn Công T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2011, đến năm 2016 vợ chồng mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B1, tỉnh B Phước theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 ngày 22/11/2016. Quá trình chung sống vợ chồng B thường, đến năm 2016 thì bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T hay đi chơi về rồi đánh đập tôi, vợ chồng hay cãi vã, chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Quá trình sống ly thân về kinh tế hoàn toàn độc lập, về tình cảm vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay, chị B xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Công T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung là Nguyễn Hoàng Khánh A, sinh ngày 23/9/2016. Nguyện vọng của chị B là sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không đặt ra vấn đề cấp ưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị B cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính đăng ký kết hôn của UBND xã Phước Sơn; bản sao chứng minh nhân dân, bản sao hộ khẩu, 01 bản sao giấy khai sinh . Ngoài ra, chị B không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

-Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị B tự nguyện chung sống từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B1, tỉnh B Phước. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh thừa nhận anh và chị B thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng. Chị B tự ý bỏ nhà đi từ đầu năm 2018 cho đến nay, anh và chị B cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, vì vậy hôn nhân không đạt được mục đích nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Khánh A, sinh ngày 23/9/2016. Nguyện vọng của anh T sau khi ly hôn là giao cháu A cho chị B nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì; không có yêu cầu phản tố và anh T có văn bản xin xét xử vắng mặt.

-Quan điểm của đại diện Viên kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phần tranh luận. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị B là được ly hôn với anh T. Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Hoàng Khánh A, sinh ngày 23/9/2016 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Công T, quá trình thụ lý vụ án, xác định anh T có nơi cư trú tại: Thôn 4, xã P, huyện B1, tỉnh B Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Công T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B1, tỉnh B Phước, đối chiếu với giấy chứng nhận kết hôn do chị B giao nộp hợp pháp tại Tòa án, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Công T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị B và anh T đều thừa nhận trong quá trình chung sống với nhau anh chị chỉ hạnh phúc từ năm 2011 cho đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt, vợ chồng hay cãi vã, anh T nhiều lần đánh đập chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau, vì vậy hôn nhân không đạt được mục đích Nay chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, như trên anh T đã thừa nhận vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, mặt khác nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ cả hai phía. Như vậy, anh T và chị B đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, anh chị đã sống ly thân một khoảng thời gian, không còn chung sống với nhau. Ngoài ra, tại biên bản lời khai của người làm chứng chị Hoàng Thị Hiền cũng xác định giữa anh T chị B có xảy ra các mâu thuẫn và sống ly thân. Như vậy, đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa anh T và chị B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nay chị B yêu cầu ly hôn, tại biên bản lời khai bị đơn anh T đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Khánh A, sinh ngày 23/9/2016; Tại phiên tòa nguyên đơn chị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lời khai bị đơn anh T đồng ý giao cháu A cho chị B

trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu An hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị B là giao cháu Nguyễn Hoàng Khánh A, sinh ngày 23/9/2016 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Hoàng Thị B phải chịu theo luật định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Công T.

[2]. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Khánh An, sinh ngày 23/9/2016 cho chị Hoàng Thị B có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] Về yêu cầu cấp dưỡng: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và con chung được thực hiện theo các quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Hoàng Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0021908 ngày 10/4/2018.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh B phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hà